

Bản án số: 151/2022/HS-PT
Ngày: 23-12- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Nguyễn Hữu Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Hùng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Hùng N**, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1950; vợ: Đoàn Thị L, sinh năm 1979; con: có 01 người con sinh năm 2002; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Huỳnh Minh T là Luật sư - Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đồng Khởi; có mặt.

- *Bị hại có liên quan đến kháng cáo:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Trúc K, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Phạm Công C - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Ông Lê Văn L là cậu ruột của Nguyễn Hùng N, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/3/2020, Nhân điều khiển xe mô tô ba bánh biển kiểm soát 71B2 - 133.38 đi từ chợ C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre về nhà em ruột của N là bà Nguyễn Thị Trúc K (sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre) để gửi xe ba bánh, Nhân gặp ông L tại chân cầu Bao Ngạn, lúc này ông L đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71F9 - 1628 đi theo hướng ngược lại với N, thấy ông L phun nước bọt về hướng N nhưng không trúng, N cho rằng ông L có ý khiêu khích mình nên N tức giận và cho xe rẽ vào nhà bà K cất xe mô tô ba bánh, sau đó N dẫn xe mô tô của N đã gửi tại nhà bà K trước đó, N ngồi bên hông nhà bà K để quan sát khoảng 15 phút, thấy ông L đang điều khiển xe mô tô đi từ chợ Cái Mít về đến chân cầu Bao Ngạn. Lúc này, N đi nhanh ra bồn hoa nhà bà K lấy một đoạn gỗ tre rồi đi ra phía lộ bê tông, đứng bên lề phải theo hướng lưu thông của ông L, lúc này ông L điều khiển xe mô tô chạy ngang qua vị trí của N đứng đón, N dùng tay phải cầm đoạn gỗ tre xông ra đánh một cái theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào mu bàn tay phải của ông L gây thương tích. Sau đó, ông L và N đứng cự cãi qua lại, ông L bỏ xe mô tô biển kiểm soát 71F9 - 1628 ngã trên lộ bê tông, ông L đi bộ về nhà, N đi lại giữa cầu Bao Ngạn ném đoạn gỗ tre xuống kênh Bao Ngạn. N điều khiển xe mô tô về nhà, ông L được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Nguyễn Đình Chiểu - tỉnh Bến Tre.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bà Nguyễn Thị Trúc K: 01 đoạn gỗ tre dài 70cm, đường kính 02cm, trọng lượng 0,2 kg, trên thân gỗ tre có 04 mắt nhánh tre, đoạn gỗ tre màu vàng nhạt, cứng, chắc, có đặc điểm tương đồng với đoạn gỗ tre mà N gây thương tích cho ông L (đây là đoạn gỗ còn lại tại bồn hoa nhà bà K).

Hiện trường vụ án xảy ra trên lộ bê tông ấp Hưng An B trước quán nước của bà Nguyễn Thị Trúc K ở ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; vị trí nơi N lấy 01 cây gỗ tre tại bồn hoa phía trước quán nước của bà K đến vị trí N đánh ông L là 6,4 mét. Hiện trường cụ thể nơi N dùng đoạn gỗ tre gây thương tích cho ông L là trên lộ bê tông ấp B, cách quán nước bà K 8,3 mét, cách lề phải theo hướng lưu thông của ông L là 0,7 mét.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 106-520/TgT ngày 20/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích Lê Văn L như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Hai vết thương trên nền sừng nề mu bàn tay phải mỗi vết dài 0,5cm.
 - Xquang bàn tay phải: Gãy hở xương bàn ngón IV; Gãy kín xương bàn ngón III, V bàn tay phải.
 - Điều trị bảo tồn.
 - Hiện: Xương lành; Hai sẹo mỗi vết kích thước 01cm x 0,1cm; 01cm x 0,1cm; Ngón III, IV, V gấp duỗi còn hạn chế.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là: 18% (Mười tám phần trăm).

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (giám định lại lần 1) số: 5326/C09B ngày 25/5/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích Lê Văn L như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: 02 sẹo mu bàn tay phải; Gãy xương bàn III, IV, V tay phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Văn L:

Đôi chiếu với Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Lê Văn L như sau: 02 sẹo mu bàn tay phải: mỗi sẹo 01% (Chương 8, Mục I.1); Gãy xương bàn III, IV, V tay phải: 16% (Chương 7, Mục V.4.3).

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của ông Lê Văn L là 18%.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (giám định lại lần 2) số: 109/21/TgT ngày 02/12/2021 của Phân Viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích Lê Văn L như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Hai sẹo kích thước nhỏ vùng mu bàn tay phải; Gãy xương bàn ngón III, IV tay phải không ảnh hưởng chức năng bàn tay phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Văn L:

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Văn L là 12% (mười hai phần trăm) theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại Lê Văn L yêu cầu bị cáo Nguyễn Hùng N bồi thường: chi phí điều trị 1.567.208 đồng; tiền xe đưa đi cấp cứu 350.000 đồng; tiền mất thu nhập 42.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần 9.600.000 đồng; tổng cộng: 53.517.208 đồng. Nguyễn Hùng N đồng ý bồi thường cho ông L các khoản tiền nêu trên với tổng số tiền 53.517.208 đồng. Hiện tại N đã bồi thường được 21.917.208 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã quyết định;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng N phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 31/8/2022 bị cáo Nguyễn Hùng N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo. Ngoài ra; bị cáo còn khai nhận trong quá trình truy tố ở cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát N dân huyện G tổng đạt cho bị cáo Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự, sau đó Viện kiểm sát nhân dân huyện G tổng đạt lại cho bị cáo Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự, 02 Bản cáo trạng này cùng số, ngày, tháng, năm nhưng nội dung khác nhau, bị cáo có ý kiến thì Kiểm sát viên nói chỉ là đổi lại Bản cáo trạng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là gây bất lợi cho bị cáo. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giùm.

- Bị hại Lê Văn L khai nhận đã bị bị cáo dùng đoạn gỗ tre đánh gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 12%. Ông L không đồng ý cho bị cáo hưởng án treo.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Trúc K khai nhận không nhìn thấy sự việc bị cáo đánh bị hại, khi bà ra đến hiện trường thì thấy tay bị hại bị chảy máu, bà nói để chờ bị hại đi bệnh viện cấp cứu nhưng bị hại không đồng ý và nói đã gọi con của bị hại rồi. Bà K cho rằng những đoạn gỗ tre là do bà xin về cắm vào bồn trồng bông hoa, chặt cùng thời điểm đều là những đoạn tre khô, không chắc lắm do dùng búa đóng là gãy ngang, bà phải đào đất chôn đoạn gỗ tre.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng N phạm “Tội cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đồng ý việc có 02 Bản cáo trạng truy tố bị cáo có cùng số, ngày, tháng, năm nhưng có nội dung khác nhau. Xét thấy trong vụ án có 02 Bản cáo trạng cùng số, ngày, tháng, năm nhưng có nội dung khác nhau, đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; mặt khác hình phạt 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên không xem xét kháng cáo của bị cáo mà cần hủy Bản án sơ thẩm để trả hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại vụ án là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy Bản án hình

sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án N dân huyện G, tỉnh Bến Tre để trả hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

- Bị cáo tranh luận: không đồng ý với nội dung mà Kiểm sát viên trình bày là giữa bị cáo với bị hại đã được hòa giải mâu thuẫn trước đó.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: đồng ý với ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có mẹ cao tuổi, có chị bị bệnh chất độc màu da cam, có con đi học tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo có nhiều chứng bệnh trong người, sức khỏe không đảm bảo chấp hành án. Về hồ sơ vụ án có 02 Bản cáo trạng chỉ là lỗi kỹ thuật, tuy sai về tố tụng nhưng không nghiêm trọng lắm. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo được hưởng án treo, nếu không cho bị cáo hưởng án treo thì hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

- Bị hại tranh luận: yêu cầu Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày trong giai đoạn truy tố ở cấp sơ thẩm bị cáo được nhận 02 Bản cáo trạng cùng số: 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 nhưng nội dung khác nhau, Bản cáo trạng nhận lần đầu truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự, Bản cáo trạng nhận lần sau truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” với hai tình tiết định khung tăng nặng “*có tính chất côn đồ*” và “*dùng hung khí nguy hiểm*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự, 02 Bản cáo trạng truy tố có nội dung khác nhau là đã gây bất lợi cho bị cáo, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cũng có trình bày về sự việc này nhưng Bản án sơ thẩm lại nhận định “*Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp*”, nội dung nhận định như nêu trên của Bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với lời trình bày của bị cáo. Ngoài ra; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, người bào

chữa cho bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: bị cáo Nguyễn Hùng N là cháu của bị hại Lê Văn L (ông L là cậu ruột của N). Mặc dù trước đó đã lâu (trên 17 tháng) giữa bị cáo N và ông L có xảy ra việc cự cãi, xô xát đánh nhau nhưng bị cáo N không bỏ qua mà gieo tức giận trong lòng về mối mâu thuẫn này để khi có điều kiện đánh ông L trả thù, do đó khi thấy ông L phun nước bọt trước mặt mình, nghĩa rằng ông L có hành vi khiêu khích nên bị cáo N có ý định đánh ông L. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/3/2020, tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo N vô cớ đón đường ông L và sử dụng đoạn gỗ tre đánh vào mu bàn tay phải của ông L gây thương tích cho ông L với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 12%.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù vào ngày 19/3/2020, giữa bị cáo với bị hại không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng bị cáo lại vô cớ dùng đoạn gỗ tre đánh bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 12%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân, hung khí gây án và hậu quả xảy ra; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng N phạm “Tội cố ý gây thương tích” với hai tình tiết định khung tăng nặng “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự; đã áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng N 06 tháng tù.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hùng N yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận trong giai đoạn truy tố ở cấp sơ thẩm, bị cáo đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện G hai lần tổng đạt 02 Bản cáo trạng có cùng số 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 nhưng nội dung của 02 Bản cáo trạng là khác nhau; Bản cáo trạng tổng đạt lần đầu truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự, nhưng sau đó Kiểm sát viên thu hồi và tổng đạt lại Bản cáo trạng lần sau truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” với 02 tình tiết định khung tăng “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có ý kiến thì Kiểm sát viên nói chỉ là đổi lại Bản cáo trạng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 được

tổng đạt lần sau truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” với 02 tình tiết định khung tăng nặng “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đã gây bất lợi cho bị cáo, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giùm. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên cấp sơ thẩm cũng thừa nhận lần đầu tiên tổng đạt cho bị cáo Bản cáo trạng số 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự, nhưng sau đó thấy có thiếu sót nên thu hồi và tổng đạt lại lần thứ hai cho bị cáo Bản cáo trạng số 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” với 02 tình tiết định khung tăng nặng “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác; xét thấy đối với hung khí gây án là đoạn gỗ tre không thu hồi được, chỉ thu giữ 01 đoạn gỗ tre còn lại tại bồn hoa nhà bà Nguyễn Thị Trúc K có đặc điểm tương đồng với đoạn gỗ tre mà bị cáo gây thương tích cho bị hại; trong khi bà K cho rằng đoạn gỗ tre khô, không chắc lăm do dùng búa đóng là gãy ngang, bà phải đào đất chôn đoạn gỗ tre. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà bị cáo cung cấp tại cấp phúc thẩm thì có 02 Bản cáo trạng cùng số 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 nhưng có nội dung khác nhau; một Bản cáo trạng (bản photo) truy tố bị cáo với 01 tình tiết định khung tăng nặng “*có tính chất côn đồ*”; và một Bản cáo trạng có nội dung giống Bản cáo trạng được lưu trong hồ sơ vụ án truy tố bị cáo với 02 tình tiết định khung tăng nặng “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*”; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo Bản cáo trạng số 26/CT-VKSGT ngày 17/6/2022 truy tố bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” với 02 tình tiết định khung tăng nặng “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đã gây bất lợi cho bị cáo. Xét thấy một vụ án mà có 02 Bản cáo trạng truy tố bị cáo có nội dung khác nhau, trong hồ sơ vụ án cũng không có thủ tục tố tụng nào để làm phát sinh Bản cáo trạng mới, đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây bất lợi cho bị cáo, vì vậy cần hủy Bản án sơ thẩm và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm điều tra lại vụ án theo thủ tục chung. Do hủy Bản án sơ thẩm nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[2] Kiểm sát viên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để trả hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[3] Người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Riêng đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: do hủy Bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình

sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre;

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre để điều tra lại vụ án theo thủ tục chung;

Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Hùng N, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/12/2022 cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre thụ lý lại vụ án.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm f khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Hùng N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện G(3b);
- Công an và VKSND huyện G(2b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- UBND xã Thạnh Phú Đông, huyện G (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông